

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-PT
Ngày 25-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài
Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2023/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 520/2023/QĐ-PT ngày 20/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 45/2024/QĐ-PT ngày 16/01/2024, giữa các đương sự giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: số E, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957; địa chỉ: H, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Kim N; bị đơn ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:

Ngày 10/4/2023, bà N cho ông Nguyễn Văn M vay 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 02%/năm, thời hạn vay đến đầu tháng 5 năm 2023 ông M sẽ trả gốc và lãi, ông M đã nhận tiền đầy đủ nhưng đến nay ông M không trả tiền gốc và lãi cho bà N. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải trả số tiền 2.700.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm từ ngày 10/4/2023 cho đến ngày kết thúc vụ án tạm tính là 50.000.000 đồng, tổng cộng 2.750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải trả nợ gốc 2.680.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, từ ngày 10/4/2023 đến ngày 08/11/2023. Đối với 20.000.000 đồng, bà N nhận tiền lãi vào ngày 10/4/2023, nay bà N yêu cầu khấu trừ vào tiền lãi suất chậm thanh toán đối với ông M. Việc ông M cho rằng có giao cho bà N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ký hợp đồng vay là không đúng, bà N không có nhận, cầm giữ bất cứ tài sản nào của ông M.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M quen biết bà Trần Kim N là người chuyên cho vay, lúc cần tiền trang trải cuộc sống ông M đến bà N vay tiền. Mỗi lần vay tiền khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ. Thời điểm ông M vay tiền là cuối năm 2019 cho đến nay với tổng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 10/4/2023 bà N yêu cầu ông M chốt lại số nợ vay, tại nhà bà N ông M có viết giấy tay cho bà N 01 tờ giấy nhận nợ với tổng số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và có giao cho bà N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền 2.700.000.000 đồng bà N yêu cầu ông M viết là tiền gốc và lãi suất 6,5%/tháng từ cuối năm 2019 cho đến ngày 10/4/2023. Ông M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N, bởi lẽ: tổng số tiền ông M vay của bà N thực tế chỉ là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), không phải 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2023/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim N số tiền nợ gốc 2.680.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/4/2023 đến ngày 08/11/2023 là 06 tháng 28 ngày x 2.680.000.000 đồng x 02%/năm = 30.969.000 đồng - 20.000.000 đồng ông M đã giao cho bà N ngày 10/4/2023 = 10.969.000 đồng. Tổng cộng

2.690.969.000 đồng (hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu chín trăm sáu chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023 ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 21/11/2023, nguyên đơn bà **N** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 20/11/2023, bị đơn ông **M** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vắng mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị đơn kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông **M** là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa vào ngày 16/01/2024 và ngày 25/01/2024. Tuy nhiên, ông **M** đều có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị bệnh trước đây bị bệnh tai biến, hiện nay bệnh tái phát lần hai và đang điều trị, ngoài đơn xin hoãn phiên tòa thì ông **M** không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, coi như ông **M** từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông **M**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **N** xác định không kháng cáo phần quyết định về tiền nợ gốc, chỉ kháng cáo phần quyết định về tiền lãi, đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm nên phần quyết định về nợ gốc đã có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi nội dung kháng cáo của bà **N**.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà **N** kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xét xử lãi chưa đúng, cụ thể: nếu có tranh chấp về lãi suất thì phải xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nhưng bản án xác định lãi suất 02%/năm là không đúng quy định; đồng thời, bà **N** yêu cầu tính lãi đến thời điểm xét xử phúc thẩm.

Bà **N1** cho rằng lãi suất theo giấy mượn nợ là 02%/năm, bà **N1** đã trừ 20.000.000 đồng tiền lãi khi vay tiền; ông **M** cho rằng lãi suất là 02%/tháng; bà **N1** yêu cầu tính lãi suất trong hạn và quá hạn là 10%/năm; đồng ý trừ 20.000.000 đồng tiền lãi đã nhận vào tiền lãi. Các đương sự có tranh chấp với nhau về mức lãi suất, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất khi có sự mâu thuẫn thì bằng 50% mức lãi suất 20%/năm, nên bà **N1** yêu cầu tính lãi 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng là phù hợp pháp luật. Như vậy, tiền lãi được tính như sau: $2.680.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 15 \text{ ngày}$ (tính từ 10/4/2023 đến ngày 25/01/2024) = 211.318.000 đồng - 20.000.000 đồng = 191.318.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, tiền lãi là 11.117.000 đồng ($02\%/\text{năm} \times 2.680.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} 29 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày 08/11/2023) = 31.117.000 đồng – 20.000.000 đồng) là chưa phù hợp.

[3] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 13/7/2023 về “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; ngày 17/7/2023, ông **M** nhận được quyết định trên và không khiếu nại. Tại cấp phúc thẩm, các đương sự không có yêu cầu gì đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp nêu trên, khi nào có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết theo quy định tại Chương VIII Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyệt, ông **M** được miễn nộp do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà **N1**, ông **M** được miễn nộp do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn M.**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà **Trần Kim N.**

2. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2023/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Kim N** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn M** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Văn M** phải có trách nhiệm thanh toán cho bà **Trần Kim N** số tiền nợ gốc 2.680.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2023/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Kim N** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn M** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Văn M** phải có trách nhiệm thanh toán cho bà **Trần Kim N** tiền lãi 191.318.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Trần Kim N** và ông **Nguyễn Văn M** được miễn nộp án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Trần Kim N** và ông **Nguyễn Văn M** được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng